

Bản án số: 85/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 18-8-2026
V/v: Ly hôn

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bà và Ông Từ Chí N tự nguyện tổ chức lễ cưới, sống chung và sau đó đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, quận T B (nay là phường TSH), Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 25 ngày 12/03/2016.

Sau kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, cả hai thuê trọ sinh sống từ năm 2016 đến năm 2021, tuy thỉnh thoảng có cãi vã nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhặt. Đến cuối tháng 02/2021, Ông Từ Chí N bị xuất huyết não, liệt nửa người. Trong khoảng thời gian từ năm 2021 đến năm 2026, chủ yếu chỉ có Bà D và mẹ ruột của bà đã chăm sóc Ông N chứ gia đình Ông N không có phụ giúp nhiều. Từ tháng 02/2021 đến tháng 03/2026 trong quá trình điều trị bệnh của Ông N thì vợ chồng bà ở nhờ nhà cậu ruột của bà ở Bình Tân và trong quá trình này cả hai bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn về lối sống, tiền bạc, và mối quan hệ với gia đình. Bản thân bà muốn đi làm để cải thiện cuộc sống lo cho bản thân, Ông N và mẹ chứ không thể chỉ ngồi nhà chăm sóc riêng cho Ông N được, nhưng Ông N không đồng ý với lý do bà phải đợi Ông N khỏe hơn mới được đi làm. Ngoài ra, bản thân bà đã mất ngủ nhiều năm, chịu đựng những cảm xúc tiêu cực, nên sức khỏe cũng đi xuống nhiều. Bà nhiều lần nói chuyện với Ông N để hoà giải, tìm cách giải quyết vấn đề nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã bắt đầu sống ly thân từ tháng 03/2026 đến nay, Ông N về nhà sống cùng cha mẹ ruột và hiện tại Ông N đã đi đứng sinh hoạt lại tốt hơn tuy chưa linh hoạt. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn hoà hợp, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà đề nghị được ly hôn với Ông Từ Chí N để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà D xác nhận không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà D xác nhận không có.

Bị đơn Ông Từ Chí N xin vắng mặt tại phiên hòa giải và phiên tòa nhưng đã có ý kiến trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 16/7/2026 như sau:

Ông và Bà Phạm Ngọc D tự nguyện kết hôn vào ngày 12/3/2016 tại Ủy ban nhân dân Phường B, quận TB (nay là phường TSH), Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 25 ngày 12/3/2016.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng cũng có những mâu thuẫn nhỏ nhưng không đáng kể. Tuy nhiên, ông nhận thấy tình cảm vợ chồng cũng như tính cách cả hai không hợp nhau. Hiện tại vợ chồng đang sống ly thân từ khoảng tháng 7/2025 đến nay, từ đó hai vợ chồng không còn qua lại, liên lạc, hỏi han, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Do sức khỏe kém, đi lại khó khăn nên ông đề nghị Tòa án cho ông được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc, các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, vắng mặt tại tất cả các phiên tòa xét xử. Nay nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt và không thể hàn gắn tình cảm nên Ông N đồng ý ly hôn với Bà Phạm Ngọc D.

Về con chung: Ông N xác nhận không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông N xác nhận không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh tham dự phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đều đảm bảo đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của Bà Phạm Ngọc D và Ông Từ Chí N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Bà D được ly hôn với Ông N. Về con chung: Bà D và Ông N xác nhận không có nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Bà D và Ông N xác nhận không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, các lời khai, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà Phạm Ngọc D yêu cầu ly hôn với Ông Từ Chí N. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự đây là vụ án “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn Ông Từ Chí N hiện cư trú tại địa chỉ số 18 LQĐ, phường CL, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025) thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về thủ tục tố tụng: Đối với nguyên đơn Bà Phạm Ngọc D có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn Ông Từ Chí N do tình trạng sức khỏe kém, việc đi lại khó khăn nên đề nghị được xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Bà Phạm Ngọc D và Ông Từ Chí N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, quận T B (nay là phường TSH), Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 25 ngày 12/3/2016. Như vậy, hôn nhân giữa Bà Phạm Ngọc D và Ông Từ Chí N là hôn nhân hợp pháp.

Theo Bà D trình bày, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là do sự khác nhau về lối sống, tiền bạc, và mối quan hệ với gia đình. Bản thân Bà D đã mất ngủ nhiều năm, chịu đựng những cảm xúc tiêu cực, nên sức khỏe cũng đi xuống nhiều và mong muốn được đi làm nhưng không nhận được sự ủng hộ của Ông N. Bà nhiều lần nói chuyện với Ông N để hoà giải, tìm cách giải quyết vấn

đề nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã bắt đầu sống ly thân từ đầu năm 2026 đến nay, hiện cả hai không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa nên cũng không thể đoàn tụ hàn gắn tình cảm vợ chồng, do đó Bà D đề nghị ly hôn Ông N. Ông N cũng xác nhận vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn nên cũng đồng ý ly hôn Bà D.

Theo Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình...”. nhưng qua lời trình bày của nguyên đơn thì Hội đồng xét xử xét thấy giữa Bà D và Ông N đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, hai bên không còn sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ lẫn nhau, cùng vun đắp cho cuộc sống gia đình. Tòa án đã tiến hành hòa giải tạo điều kiện cho vợ chồng Bà D và Ông N hàn gắn tình cảm, trở về đoàn tụ nhưng Ông N xin vắng mặt ở phiên hòa giải, do đó Tòa án hòa giải đoàn tụ không thành.

Qua những phân tích trên cho thấy: Quan hệ vợ chồng giữa Bà D và Ông N đã trầm trọng, nên khả năng đoàn tụ không còn và mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, trước yêu cầu ly hôn của Bà D đối với Ông N, Hội đồng xét xử xét thấy là có cơ sở chấp nhận.

[4.2] Về con chung: Bà Phạm Ngọc D và Ông Từ Chí N xác nhận không có. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Ngọc D và Ông Từ Chí N xác nhận không có. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn Bà Phạm Ngọc D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 (được sửa đổi bổ sung theo Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội); điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228, Điều 238 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Phạm Ngọc D.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Ngọc D được ly hôn với Ông Từ Chí N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 25 do Ủy ban nhân dân Phường B, quận TB (nay là Ủy ban nhân dân phường TSH), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/3/2016 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Bà Phạm Ngọc D và Ông Từ Chí N xác nhận không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Phạm Ngọc D và Ông Từ Chí N xác nhận không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Phạm Ngọc D và Ông Từ Chí N xác nhận không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng do Bà Phạm Ngọc D nộp, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà Bà D đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0035530 ký hiệu BLTU/26E ngày 05/6/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà D đã nộp đủ án phí.

3. Các bên thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 34, Điều 36 và Điều 71 của Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3, TP. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự TP. Hồ Chí Minh;
- UBND phường TSH, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thư Nhân



